

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 05/2024/HS-ST

Ngày: 26 / 01 /2024

CỘNG HÒA ¹XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tr-ong Văn Triệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Huỳnh Trí Dũng

2) Bà Nguyễn Thị Kim Chung

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2023 /TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1- Nguyễn P; giới tính nam ; sinh ngày 10 tháng 7 năm 1998 tại Đ, Quảng Nam; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay thôn MA, xã ĐQ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không có.

Nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ học vấn 08/12; con ông (không xác định) và bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1963), hiện làm nghề bán vé số và trú tại thôn MA, xã ĐQ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2, chưa có vợ con.

Tiền án: chưa.

Tiền sự: Ngày 19/10/2021, bị UBND xã ĐQ, huyện Đ áp dụng biện pháp giáo dục xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Nhân thân:

- Ngày 09/1/2019, bị Công an huyện TG, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “*Đánh nhau*”.

- Ngày 18/10/2021, bị Công an xã ĐQ, huyện Đ xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/3/2023, chuyển tạm giam ngày 27/3/2023; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.

2. Nguyễn H, giới tính nam; sinh ngày 04² tháng 7 năm 1994, tại Đ, Quảng Nam.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay thôn MA, xã ĐQ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không có; nghề nghiệp bán vé số ; trình độ học vấn 0 /12; con ông (không xác định) và bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm: 1963) hiện làm bán vé số và trú tại thôn MA, xã ĐQ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; bị cáo có 02 anh em; bị cáo là con đầu; vợ Nguyễn Thị P (sinh năm: 1996), hiện làm nông và trú tại thôn MP, xã ĐP, huyện Đ; bị cáo có 02 con sinh năm 2015 và năm 2017.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/3/2023, chuyển tạm giam ngày 27/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.

3. Nguyễn Thị T, giới tính nữ; sinh ngày 02 tháng 5 năm 1986 tại Đ, Quảng Nam; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay thôn MA, xã ĐQ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp bán vé số; trình độ học vấn: 0 /12; Con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Trần Thị H2 (sinh năm: 1963) hiện làm bán vé số và trú tại thôn MA, xã ĐQ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo đã ly hôn với chồng tên Trần K.T (sinh năm: 1976, trú thôn MA, xã ĐQ, huyện Đ); bị cáo có 03 con sinh năm năm 2002, năm 2004 và năm 2006.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T; có bà Nguyễn Thị H1 Thẩm trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bị hại:

- 1- Anh Nguyễn Đ.H sinh năm 2001, trú tại thôn 2, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
- 2- Bà Nguyễn T.H sinh năm 1964, trú tại thôn H.N, xã ĐP, thị xã ĐB, tỉnh Quảng Nam, có mặt.
- 3 - Ông Bùi T.A sinh năm 1947, trú tại thôn P, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam có mặt.
- 4 - Ông Nguyễn M sinh năm 1957, trú tại thôn L, xã ĐP, thị xã ĐB, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền tiêu xài nên tối ngày 19/3/2023, Nguyễn P và anh ruột là Nguyễn H bàn bạc về việc sáng ngày 20/3/2023 cùng nhau đi giật vé số bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 05 giờ ngày 20/3/2023, P điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 43H2-8137 chở H ngồi sau đi về hướng xã ĐH, huyện Đ để tìm người bán vé số nhằm cướp giật vé số. Khi P chở H đến đoạn đường ĐT609B thuộc Thôn 4, xã ĐH, huyện Đ thì phát hiện anh Nguyễn Đ.H đang đi xe đạp bán vé số dạo. Lúc này, P dừng xe, Hà ngồi trên nói với anh Đ.H: “*chú, mua tờ vé số*”, còn P vẫn nổ máy xe và cài xe về số 1. H cầm xấp vé số của anh Đ.H đưa và giả vờ lựa vé số. Khi thấy

anh Đ.H mất cảnh giác và trên đường vắng người qua lại thì P nhanh chóng điều khiển xe chở H cầm theo xấp vé số bỏ chạy. Sau khi về đến nhà của mình, P và H đếm được có 252 tờ vé số gồm 200 tờ của Công ty xổ số kiến thiết Thừa Thiên Huế và 52 tờ của Công ty xổ số kiến thiết Phú Yên mở thưởng ngày 20/3/2023. Sau đó, H và P lấy 70 tờ vé số nhờ Nguyễn Thị T (là bạn gái của P, ở tại nhà P) bán giúp. T hỏi P và H vé số từ đâu mà có thì H và P nói “mới đi giật ở ĐH về”. T nghe vậy nhưng vẫn nhận 70 tờ vé số để bán giúp cho P và H. Số vé còn lại H và P đến thị trấn TM, huyện NG bán được 166 tờ. Đến trưa ngày 20/3/2023, T gặp và đưa cho H và P 700.000 đồng và nói đã bán hết 70 tờ vé số. P, H cho lại T 300.000 đồng và 16 tờ vé số mà P và H không bán hết. T tiếp tục đi bán 16 tờ vé số được số tiền 160.000 đồng. Số tiền có được từ việc bán vé số P, H và T tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ được:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe wave, biển số 43H2-8137 (Cơ quan CĐT Công an huyện Đ đã bàn giao cho Công an quận TK, thành phố Đà Nẵng điều tra. xử lý).

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 380.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn H (Cơ quan CĐT Công an huyện Đ đã gửi tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ Quảng Nam).

- 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu honda màu đỏ - đen; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Demen màu hồng; 01 mũ lưỡi trai hiệu “H” màu đen (đã được niêm phong và hiện do Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ quản lý).

Qua đấu tranh, cũng với P thức và thủ đoạn như trên, Nguyễn H, Nguyễn P còn khai nhận cùng nhau thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản là vé số khác trên địa bàn xã ĐN, huyện Đ, phường VD và xã ĐT, thị xã ĐB, tỉnh Quảng Nam như sau:

Vụ thứ nhất: sáng ngày 13/03/2023, Nguyễn P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số: 43H2-8137, chở Nguyễn H đến thị xã ĐB, tỉnh Quảng Nam để tìm người bán vé số để cướp giật vé số bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi P chở H đến đoạn đường ĐT609 thuộc khối phố BA, phường ĐA, thị xã ĐB (khu vực phía sau chợ VD) thì phát hiện bà Nguyễn T.H (sinh năm: 1964, trú thôn HN, xã ĐP, thị xã ĐB) đang đi xe đạp bán vé số. Lúc này, H và P quay xe lại tiếp cận bà T.H để giả vờ mua vé số. Khi bà T.H đưa xấp vé số cho H thì H lấy 02 tờ, P lấy 50.000 đồng trong túi ra đưa cho bà T.H để trả tiền rồi cầm tập vé số đưa cho H để giả vờ lựa vé số. Khi thấy bà T.H mất cảnh giác thì P liền tăng ga chở H cầm xấp vé số bỏ chạy về hướng Đ. Sau khi đếm được gồm 220 vé số của Công ty xổ số kiến thiết Thừa Thiên Huế và Công ty xổ số kiến thiết Phú Yên mở thưởng ngày 13/3/2023, H và P mang đi bán dạo tại thị trấn TM, huyện NG rồi lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: khoảng 18 giờ ngày 14/3/2023, Nguyễn P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số: 43H2-8137, chở Nguyễn H đến xã ĐN, huyện Đ để cướp giật vé số. Khi P chở H đến đoạn đường ĐT609C thuộc thôn GH, xã ĐN, huyện Đ thì phát hiện ông Bùi T.A (sinh năm: 1947, trú thôn PP, xã ĐT, huyện Đ) là người khuyết tật đang đi xe 3 bánh bán vé số. P và H dừng xe, giả vờ hỏi ông T.A mua vé số. Khi H cầm xấp vé số của ông T.A đưa và lợi dụng lúc ông T.A không để ý thì P tăng ga chở H cầm theo xấp vé số bỏ chạy về nhà. Khi về đến nhà, P và H đếm được

tổng cộng 294 tờ vé số của Công ty xổ số kiến thiết Đà Nẵng và Công ty xổ số kiến thiết Khánh Hòa. H và P nhờ Nguyễn Thị T bán giúp 70 tờ nhưng không nói cho T biết về nguồn gốc của số vé này. Sau khi T bán giúp đã đưa lại P và H 700.000 đồng. P và H cũng tự mình đi bán vé số và chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: khoảng 05 giờ sáng ngày 18/03/2023, P sử dụng xe mô tô biển kiểm soát số: 43H2-8137 chở H đi cướp giật vé số. Khi P và H đến khu vực cổng chui đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi thuộc địa phận thôn P1, xã ĐT, thị xã ĐB, tỉnh Quảng Nam thì phát hiện ông Nguyễn M (*sinh năm: 1957, trú thôn LH, xã ĐP, thị xã ĐB*) đang đi xe đạp bán vé số. Sau khi giả vờ hỏi mua vé số và ông M đưa tập vé số gồm 300 tờ cho H. Lợi dụng lúc ông M không để ý, đường vắng người qua lại, P tăng ga chở H cầm xấp vé số bỏ chạy về hướng Đ để tẩu thoát. Sau đó P và H đếm được có 300 tờ vé số của Công ty xổ số kiến thiết Đà Nẵng, Công ty xổ số kiến thiết Quảng Ngãi và Công ty xổ số kiến thiết Đắk Nông. H và P đến thị trấn Thanh Mỹ, huyện NG, tỉnh Quảng Nam bán được khoảng 200 tờ, còn lại khoảng 100 tờ mang về nhà kiểm tra kết quả mở thưởng nhưng không trúng nên đã đốt hết.

Về dân sự: Các bị hại yêu cầu các bị cáo Nguyễn H, Nguyễn P bồi thường như sau: Anh Nguyễn Đ.H yêu cầu bồi thường số tiền 2.520.000 đồng; bà Nguyễn T.H yêu cầu bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; ông Bùi T.A yêu cầu bồi thường số tiền 2.940.000 đồng và ông Nguyễn M bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Hiện nay, các bị can chưa bồi thường.

Tại cáo trạng số 71 /CT- VKSDL-HS ngày 13 /11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn P và bị cáo Nguyễn H về tội “*Cướp giật tài sản*” theo các điểm a,g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự 2015, truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” qui định tại khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015

Tại phiên tòa hôm nay trong phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX:

Áp dụng: các điểm a,g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn P từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù .

Áp dụng: các điểm a,g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn H từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù .

Áp dụng: khoản 1 Điều 323 ; các điểm b,i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 6 tháng đến 9 tháng cải tạo không giam giữ.

*** Về Xử lý vật chứng:** áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị:

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 380.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn H (*Cơ quan CĐT Công an huyện Đ đã gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Đ, Quảng Nam*). Tuyên quy trữ để đảm bảo thi hành án, trả cho anh Nguyễn Đ.H.

- 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu honda màu đỏ - đen; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Demen màu hồng; 01 mũ lưỡi trai hiệu “H” màu đen (*đã được niêm phong và hiện do Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ quản lý*).

Số tiền 460,000 đồng do bị cáo Nguyễn Thị T⁵ giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo phiếu thu số 0010009 ngày 23 tháng 11 năm 2023 được quy trừ để thi hành án trả cho anh Nguyễn Đức Hà.

Về dân sự: các bị hại yêu cầu các bị cáo Nguyễn H, Nguyễn P bồi thường như sau: Anh Nguyễn Đ.H yêu cầu bồi thường số tiền 2.520.000 đồng; bà Nguyễn T.H yêu cầu bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; ông Bùi T.A yêu cầu bồi thường số tiền 2.940.000 đồng và ông Nguyễn M bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Hiện nay, các bị cáo chưa bồi thường.

Quan điểm của Người bảo vệ cho bị cáo Nguyễn Thị T: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, để cho bị cáo T được hưởng mức án nhẹ nhất, tạo điều kiện cho bị cáo Nguyễn Thị T nuôi con.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn P: Bị cáo đã thấy được hành vi “Cướp giật tài sản” là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm về làm ăn, có tiền trả nợ cho những người bị hại

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn H; Bị cáo đã thấy được hành vi “Cướp giật tài sản” là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm về làm ăn, có tiền trả nợ cho những người bị hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị T: Bị cáo biết hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phân tích tính hợp pháp hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội: Trong khoảng thời gian từ ngày 13/3/2023 đến ngày 20/3/2023, Nguyễn P, Nguyễn H đã bàn bạc, sử dụng xe mô tô cùng nhau thực hiện 04 vụ cướp giật tài sản là vé số để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân trên địa bàn các xã ĐH, ĐN huyện Đ và phường VĐ, xã ĐT, thị xã ĐB. Tổng giá trị tài sản mà P và H chiếm đoạt là 10.660.000 đồng.

Nguyễn Thị T có 01 lần biết rõ số vé số mà Nguyễn P, Nguyễn H có được vào ngày 20/3/2023 là từ cướp giật mà có nhưng vẫn giúp P và H bán giúp 70 tờ vé số và hưởng lợi số tiền 460.000 đồng.

Lời khai nhận hành vi cướp giật tài sản nêu trên của các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn H, Nguyễn Thị T đối chiếu thấy phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn H phạm tội “**Cướp giật tài sản**” theo các điểm a.g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “**Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có**” qui định tại khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn H, Nguyễn Thị T phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp động cơ vụ lợi cá nhân, hành vi cướp giật tài sản của các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn H, và hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Nguyễn Thị T là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa P. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, người bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trong vụ án có tổ chức này, Nguyễn P là người có trình độ, có hiểu biết, có vai trò chính trong việc khởi xướng, chủ động lái xe nhiều lần chở bị cáo Nguyễn H đi cướp giật tài sản, nên bị cáo P phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn. Các bị cáo P và H phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Do bị cáo Nguyễn Thị T, bị bệnh, không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên HĐXX không khấu trừ thu nhập của bị cáo T.

[4] Về Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 380.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn H (*Cơ quan CĐT Công an huyện Đ đã gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đ, Quảng Nam vào tài khoản số 394901053629 ngày 09/ 8/ 2023*). Tuyên quy trữ để đảm bảo thi hành án, trả cho anh Nguyễn Đ.H.

- Tuyên tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu honda màu đỏ - đen; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Demen màu hồng; 01 mũ lưỡi trai hiệu “H” màu đen (*đã được niêm phong và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý*).

- Số tiền 460,000 đồng do bị cáo Nguyễn Thị T giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo phiếu thu số 0010009 ngày 23 tháng 11 năm 2023 được quy trữ để thi hành án trả cho anh Nguyễn Đ.H.

[5] Về dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn H, Nguyễn P liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Đ.H số tiền 2.520.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn T.H số tiền 2.000.000 đồng; bồi thường cho ông Bùi T.A số tiền 2.940.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn M số tiền 3.000.000 đồng(trong đó mỗi bị cáo bồi thường 50% số tiền)

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Điều 23 Nghị 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn H, Nguyễn Thị T, mỗi bị cáo phải chịu án phí 200,000 đồng

* Những vấn đề liên quan đến vụ án: Trong vụ án này, Nguyễn H, Nguyễn P sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 43H2-8137 để thực hiện hành vi cướp giât tài sản. Qua đấu tranh, Nguyễn H khai nhận chiếc xe trên là do Hà trộm cắp được mà có tại thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, qua xác minh đã xác định chủ sở hữu của chiếc xe trên là bà Nguyễn Thị R (*sinh năm; 1964, trú tổ 13, phường TG, quận TK, thành phố Đà Nẵng*). Bà R khai nhận bà bị mất chiếc xe trên vào ngày 08/9/2022. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã bàn giao xe mô tô 43H2-8137 cho Cơ quan CSĐT Công an quận TK, thành phố Đà Nẵng để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn P, Nguyễn H. Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điểm a, g Khoản 2 Điều 171, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn P và bị cáo Nguyễn H phạm tội “*Cướp giât tài sản*” theo quy định tại các điểm a.g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn P 5 (năm) năm tù.

Thời gian chấp hành án; kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 21/3/2023

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn H 4(bốn) năm 6 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành án phạt tù; kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 21/3/2023

Áp dụng: khoản 1 Điều 323, các điểm b,i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS

Tuyên Bô: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” qui định tại khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 6 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian thi hành phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Đ nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Về Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 380.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn H (*Cơ quan CĐT Công an huyện Đ đã gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đ, Quảng Nam vào tài khoản số 394901053629 ngày 09/ 8/ 2023*). Tuyên quy trừ để đảm bảo thi hành án, trả cho anh Nguyễn Đ.H.

-Tuyên tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu honda màu đỏ - đen; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Demen màu hồng; 01 mũ lưỡi trai hiệu “H” màu đen (*đã được niêm phong và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý*).

- Số tiền 460,000 đồng do bị cáo Nguyễn Thị T giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo phiếu thu số 0010009 ngày 23 tháng 11 năm 2023 được quy trừ thi hành án trả cho anh Nguyễn Đức Hà.

Về dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn H, Nguyễn P liên đới bồi thường như sau:

Bồi thường cho anh Nguyễn Đ.H số tiền 2.520.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn T.H số tiền 2.000.000 đồng; bồi thường cho ông Bùi T.A số tiền 2.940.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn M số tiền 3.000.000 đồng. (Trong đó các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn H, mỗi bị cáo bồi thường 50% số tiền)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn H, Nguyễn P, Nguyễn Thị T, mỗi bị cáo phải chịu án phí 200,000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo và trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ng-ời bị hại, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKTI- TANDTC;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Triệu